

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2020

V/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

2. Ông Dương Khắc Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 13/8/2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Ngọc Đoan Tr**— sinh năm 1993

Địa chỉ: xóm A, thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: ông **Phan Văn Đ**— sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm A, thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

Nhân chứng: Nguyễn Thị Đòì; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc

Đoan Tr trình bày: bà và ông Phan Văn Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung với nhau vào năm 2014, hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2015.

Bà có về làm dâu nhà ông Đ được vài tháng thì bà về nhà nội bà đẻ sinh con. Sau khi sinh con xong thì vợ chồng bà có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 sát bên nhà ba mẹ ông Đ để ở. Cuộc sống vợ chồng ông bà chỉ hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Giữa năm 2018 bà trở về nhà nội bà sống đến nay, từ đó ông bà sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Ông Đ có vài lần đến năn nỉ bà trở về nhưng bà không đồng ý quay về vì cảm thấy vợ chồng có tiếp tục cũng không hạnh phúc, kể từ đó ông Đ không đến thăm con và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

Về con chung: bà và ông Đ có 01 con chung tên Phan Thị Kim H – sinh ngày 06/01/2015 hiện đang ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Phan Văn Đ: theo biên bản xác minh tại thôn B, xã P, huyện T thì ông Phan Văn Đ có hộ khẩu tại thôn B, xã P, huyện T, ông Đ thường xuyên đi biển nhưng thời gian đi và về thì địa phương không rõ, Tòa án và đại diện địa phương có đến nhà ông Đ và nhà cha mẹ của ông Đ nhưng ông Đ không có mặt tại gia đình. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Phan Văn Đ theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Theo biên bản lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Nguyễn Ngọc Đoan Tr cháu bà và Phan Văn Đ sống chung với nhau từ năm 2014, hai bên gia đình không tổ chức cưới hỏi, chỉ đến nói chuyện với nhau rồi Tr và Đ dọn về sống chung. Cháu bà khi sống chung với Phan Văn Đ không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Mỗi khi xảy ra mâu thuẫn là Tr bỏ về sống chung với bà,

được vài lần thì khoảng hơn 2 năm nay Tr dẫn con về sống với bà luôn. Ngày Tr về không mang theo đồ đạc gì nhưng khoảng mấy ngày sau Đ đem đồ đạc của Tr và con ném vào sân nhà bà. Từ khi mẹ con Tr về sống chung với bà thì Đ có vài lần đến thăm con, mỗi lần đến thăm là say sấn và chửi bới bà sao chưa chấp vợ con Đ. Đến thăm vài lần thì không đến nữa cũng không chu cấp tiền nuôi con. Bà không biết nguyên nhân vì sao vợ chồng Tr mâu thuẫn trầm trọng như vậy. Mong Tòa giải quyết cho Nguyễn Ngọc Đoan Tr được ly hôn với Phan Văn Đ.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.
- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:
- Đối với nguyên đơn: bà Nguyễn Ngọc Đoan Tr đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Đối với bị đơn: ông Phan Văn Đ đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Đoan Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Phan Văn Đ có nơi cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện “*ly hôn, nuôi con chung*” của bà Nguyễn Ngọc Đoan Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Phan Văn Đ, do ông Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Đoan Tr và ông Phan Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, xung đột nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau thể hiện ở việc từ giữa năm 2018 đến nay bà Tr và ông Đ sống ly thân. Những điều này làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của bà Tr là có căn cứ và phù hợp nên cần Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho bà Tr được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: bà và ông Đ có 01 con tên Phan Thị Kim H – sinh ngày 06/01/2015 hiện con đang ở với bà Tr, bà Tr tiếp tục yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ giữa năm 2018 đến nay cháu H ở với bà Tr và bà Tr đảm bảo đủ điều kiện để cháu H phát triển, nên giao cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu H đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Tr là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Ngọc Đoàn Tr được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

3/ Về con chung: giao cho bà Nguyễn Ngọc Đoàn Tr tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Phan Thị Kim H – sinh ngày 06/01/2015 cho đến khi trưởng thành, bà Tr không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tr không được ngăn cản ông Đ quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: bà Nguyễn Ngọc Đoàn Tr phải nộp **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Tr đã nộp **300.000 đồng** tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006830 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Tr đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2020), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã hước Thề;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thanh Nữ Kiều Oanh